

Bản án số: 01 /2018/KDTM - ST
Ngày: 05/10/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Vũ Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Nguyệt**

Bà **Nguyễn Thị Tích**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai: Bà **Dương Thị Ngọc Loan**- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST- KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX –ST ngày 01 tháng 8 năm 2018: Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV VAMC. Địa chỉ: Số 22 H V- Phường Lý Th.T - Quận H K – Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn T Đ – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Ủy quyền khởi kiện cho: **Ngân hàng TMCP Đ (SB)**, theo hợp đồng ủy quyền số 13383/2015/UQVAMC2 - SB ngày 13/8/2015; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 2316/2016/UQ2.VAMC2 - SB ngày 12/7/2016.

Địa chỉ: số 25 Trần H Đ - Phường Phan C Tr- Quận H K- TP. H .

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê V T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của SB: Ông Vũ Đ Kh - Phó Tổng giám đốc. Theo giấy ủy quyền số 359/2018/UQ - SB ngày 20/4/2018 của chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân Hàng TMCP Đ

Người đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án theo ủy quyền lại: Anh Lê V T - chuyên viên xử lý nợ - Ban xử lý nợ Miền Bắc - Ngân hàng TMCP Đ (SB). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đ Q - sinh năm 1968 và vợ là bà Lê thị Ng - sinh năm 1971. Điều trú tại: Thôn T D - xã Ph T- huyện Th.O - Thành phố H . Tại phiên tòa ông Q , bà Ng vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đ Ph - sinh năm 1974 và vợ là bà Lê thị B L - sinh năm 1976. Điều trú tại: Tổ dân phố số 12 phường Ph L- Quận H Đ - Tp. H. Tại phiên tòa ông Ph, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/9/2011 Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh H Đ và Hộ kinh doanh do ông Nguyễn Đ Q và bà Lê thị Ng ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 11/2011/HĐTD – PGDTT - NDQ với nội dung Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh H Đ cho hộ ông Nguyễn Đ Q và bà Lê thị Ng vay số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Mục đích vay bổ sung vốn lưu động để thanh toán hợp đồng kinh tế. Thời hạn vay 12 tháng với lãi suất là 24%/ năm cho kỳ đầu tiên, lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được tính theo lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo thông báo của SB trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng với dư nợ gốc quá hạn hoặc dư nợ lãi quá hạn. Theo quy định tại Điều 1 mục 1.3 của hợp đồng tín dụng, khi đến kỳ hạn trả nợ vay thì ông Q, bà Ng phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh H Đ hết nợ gốc.

Vợ chồng ông Q, bà Ng thế chấp tài sản để bảo đảm cho hợp đồng này gồm:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất 107,6m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 202 (ô 14- khu B), tờ bản đồ số 15, địa chỉ : Khu trại dục liệu cũ, xã C D, huyện Th.O, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP553843 do UBND huyện Th.O cấp cho ông Nguyễn X L ngày 09/11/2009; ông L đã nhượng lại toàn bộ 107,6m² cho ông Nguyễn Đ Ph theo hợp đồng chuyển nhượng số 2494 quyền số 02.2011/TP/CC - SCC/HĐGD ngày 22/04/2011 tại văn phòng công chứng số 07- Thành phố H ;

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất là 105,5m² đất tại thửa số 200 (ô 12-khu B) tờ bản đồ số 15 địa chỉ thửa đất: Khu trại dục liệu cũ, xã C D, huyện Th.O, Thành phố H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP553844 do ủy ban nhân dân huyện Th.O cấp cho ông Nguyễn X L ngày 09/11/2009, ông Nguyễn X L đã chuyển toàn bộ 105,5m² cho ông Nguyễn Đ Ph theo hợp đồng chuyển nhượng số 2493 quyền số 02.2011/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 22/4/2011 tại văn phòng công chứng số 7 - Thành phố H;

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba L ngày 06/9/2011 thì bên thế chấp là ông Nguyễn Đ Ph và bà Lê thị B L; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Đ- chi nhánh H Đ.

Do đến hạn trả nợ, ông Q và bà Ng không trả được nợ nên ngày 13/8/2015 Ngân hàng TMCP Đ bán số nợ cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam theo hợp đồng mua, bán nợ số 13382/2015/MBN/VAMC2 - SB

Tại hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng ủy quyền số 13383/2015/UQ.VAMC2-SB ngày 13/8/2015 số 2316/2016/UQ1.VAMC2 - SB (Liên quan đến việc mua bán nợ xấu của khách hàng hộ kinh doanh Nguyễn Đ Q) thì bên ủy quyền: Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đã ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện và đề nghị xử lý tài sản mà vợ chồng ông Q, bà Ng đã thế chấp để đảm bảo cho Ngân Hàng TMCP Đ.

Do ông Q , bà Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện việc được ủy quyền, đề nghị Tòa án buộc ông Q, bà Ng thanh toán trả công ty VAMC toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/10/2018 là 6.568.873.075 đồng, trong đó tiền gốc là 2.000.000.000; Tiền lãi trong hạn là 70.873.075 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.498.000.000 đồng và đề nghị xử lý tài sản mà vợ chồng ông Q, bà Ng đã thế chấp để đảm bảo cho Ngân Hàng TMCP Đ thu hồi vốn.

Tại biên bản tự khai của ông Nguyễn Đ Q trình bày: Ngày 07/9/2011 Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Đ Q do ông làm đại diện có vay Ngân hàng TMCP Đ số tiền 2.000.000.000đ đến ngày 26/6/2012 ông đã trả được số tiền lãi là 378.460.259 đồng, hiện vẫn còn tiền gốc là 2.000.000.000đồng, theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản, ông thừa nhận đã vi phạm và không thực hiện đúng hạn theo hợp đồng vì làm ăn thua lỗ, nay ông đề nghị Ngân hàng TMCP Đ cho ông trả toàn bộ 02 thửa đất mà ông đã thế chấp với ngân hàng TMCP Đ và xóa toàn bộ số nợ, vì ông không có khả năng thanh toán tiếp.

Tại biên bản tự khai và biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Đ Ph và bà Lê thị B L trình bày: Ông bà có 02 thửa đất nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn X L và đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ để đảm bảo cho ông Nguyễn Đ Q vay tiền kinh doanh, nay ông Q không trả được nợ ông bà nhất trí để Ngân hàng TMCP Đ phát mại tài sản mà ông bà đã thế chấp cho Ngân Hàng theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Tòa án đã tiến hành thẩm định tại chỗ ngày 08/5/2018, kết quả thể hiện 02 thửa đất mà ông Nguyễn Đ Ph và bà Lê thị B L đã thế chấp cho ngân hàng TMCP Đ không có di biến động gì so với khi ký hợp đồng thế chấp.

Đối với bà Lê thị Ng (vợ ông Q) Tòa án đã báo gọi nhưng bà Ng không đến Tòa án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Lê V T - chuyên viên xử lý nợ - Ban xử lý nợ Miền Bắc - Ngân hàng TMCP Đ (SB) vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Q, bà Ng thanh toán trả công ty VAMC toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/10/2018 là 6.568.873.075 đồng, trong đó tiền gốc là 2.000.000.000; Tiền lãi trong hạn là 70.873.075 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.498.000.000 đồng và đề nghị xử lý tài sản mà vợ chồng ông Q, bà Ng đã thế chấp cho Ngân Hàng TMCP Đ.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến về thủ tục giải quyết vụ án và về đường lối giải quyết vụ án:

Về quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng quy trình tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa.

Về phía các đương sự: Nguyên đơn, chấp hành tốt các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn là bà Lê thị Ng (vợ ông Q) vắng mặt từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã được tổng đạt hợp lệ và niêm yết theo quy định.

Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, đã làm đúng qui trình, thủ tục tố tụng, tại phiên tòa diễn ra công tâm và khách quan. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do vì vậy hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của luật tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị chấp nhận yêu đòi nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn như đề nghị của người đại diện nguyên đơn tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Đ Q và bà Lê thị Ng có hộ khẩu thường trú tại Thôn T D, Ph T, huyện Th.O, TP. H đã được triệu tập hợp lệ (ông Q là chồng nhận cho bà Ng) nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án niêm yết theo đúng tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

[2] **Về thẩm quyền:** Công ty TNHH MTV VAMC khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Đ Q và bà Lê thị Ng có hộ khẩu thường trú tại thôn T D, xã Ph T, huyện Th.O, TP. H phải trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký, do đó xác định là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Th.O.

[3] **Về nội dung:**

3.1 Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hợp đồng tín dụng số 11.2011/HĐTD-PGDTT - NĐQ và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất(của bên thứ ba) ngày 06/9/2011, việc ký kết này là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 463;466;468 của Bộ luật dân sự 2015 đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Hợp đồng tín dụng số 11/2011/ HĐTD-PGDTT- NĐQ giữa Ngân hàng TMCP Đ và Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Đ Q và bà Lê thị Ng là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất, tính đến thời điểm xét xử thì hợp đồng tín dụng 11/2011/ HĐTD – PGDTT - NĐQ đã quá thời hạn trả nợ gốc và lãi. Do bị đơn không trả được nợ nên ngày 13/8/2015 Ngân hàng TMCP Đ bán số nợ cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam theo hợp đồng mua, bán nợ số 13382/2015/MBN/VAMC2 – SB, hợp đồng này là hợp pháp và đã có hiệu lực, vì vậy yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV VAMC là có căn cứ để chấp nhận, buộc ông Nguyễn Đ Q và bà Lê thị Ng phải trả cho Công ty TNHH MTV VAMC toàn bộ số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và lãi trong hạn tính đến ngày 09/8/2012 là 70.873.075 đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 09/8/2012 đến ngày mở phiên tòa là ngày 05/10/2018 là 4.498.000.000 đồng. Tổng cộng là 6.568.873.075 đồng.

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn:

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông Nguyễn Đ Q và bà Lê thị Ng đã được ông Nguyễn Đ Ph, bà Lê thị B L cùng Ngân hàng TMCP Đ đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba.

Tài sản thứ nhất : quyền sử dụng đất 107,6m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 202 (ô 14- khu B), tờ bản đồ số 15, địa chỉ : Khu trại được liệu cũ, xã C D, huyện Th.O, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP553843 do UBND huyện Th.O cấp cho ông Nguyễn X L ngày 09/11/2009; ông L đã nhượng lại toàn bộ 107,6m² cho ông Nguyễn Đ Ph theo hợp đồng chuyển nhượng số 2494 quyền số

02.2011/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/04/2011 tại văn phòng công chứng số 07- Thành phố H ;

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất là 105,5m² đất tại thửa số 200 (ô 12-khu B) tờ bản đồ số 15 địa chỉ thửa đất: Khu trại được liệu cũ, xã C D, huyện Th.O, Thành phố H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP553844 do ủy ban nhân dân huyện Th.O cấp cho ông Nguyễn X L ngày 09/11/2009, ông Nguyễn X L đã chuyển toàn bộ 105,5m² cho ông Nguyễn Đ Ph theo hợp đồng chuyển nhượng số 2493 quyền số 02.2011/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/4/2011 tại văn phòng công chứng số 7 - Thành phố H.

Hai hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba trên đây là đúng pháp luật bởi ông Ph và bà L là chủ sở hữu và sử dụng hợp pháp tài sản gắn liền với đất. Theo quy định tại Điều 355; 715; 721 Bộ luật dân sự năm 2015 tài sản thế chấp nói trên sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Công ty TNHH MTV VAMC khi ông Nguyễn Đ Q và bà Lê thị Ng không trả nợ theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký.

[4] Về áp dụng pháp luật: Công ty TNHH MTV VAMC và vợ chồng ông Nguyễn Đ Q và bà Lê thị Ng đã ký hợp đồng tín dụng số 11.2011/HĐTD - PGDTT-NĐQ ký ngày 07/9/2011. Như vậy hợp đồng tín dụng này đã được hai bên giao kết thực hiện trước ngày 01/01/2017. Căn cứ vào khoản 3 Điều 4 luật thương mại; Điều 688 bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử cần áp dụng các quy định của bộ luật dân sự 2015 và án lệ số 08/2016/AL để giải quyết vụ án và xác định lãi xuất, điều chỉnh lãi xuất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí: căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : Khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 317; 318; 319; 320; 321; 322; Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016 được công bố theo quyết định số 698/QĐ – CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Đ Q và bà Lê thị Ng phải trả cho Công ty TNHH MTV VAMC theo hợp đồng tín dụng số 11.2011/ HĐTD-PGDTT- NĐQ ngày 07/9/2011 giữa ngân hàng TMCP Đ với ông Nguyễn Đ Q và bà Lê thị Ng , số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng chẵn). Lãi suất trong hạn là 70.873.075 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm bảy ba ngàn không trăm bảy năm nghìn đồng). Lãi suất nợ quá hạn là 4.498.000.000 đồng (Bốn tỷ, bốn trăm chín tám triệu đồng) Tổng là: 6.568.873.075 đồng (Sáu tỷ năm trăm sáu tám triệu,tám trăm bảy ba nghìn không trăm bảy năm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm ông Q, bà Ng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, lãi xuất mà ông Q và bà Ng phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay(Ngân hàng TMCP Đ).

Trường hợp khi án có hiệu lực ông Nguyễn Đ Q và bà Lê thị Ng vẫn không trả được hết số nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên phát mại các tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên được ký kết trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (của bên thứ ba) ngày 06/9/2011 để thu hồi nợ của ông Q và bà Ng với ngân hàng. Trường hợp tiền thu từ tài sản bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ, ông Q và bà Ng vẫn phải có nghĩa vụ trả khoản nợ còn lại sau khi đối trừ cho ngân hàng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án phí: Áp dụng Điều 143; 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu , miễn , giảm , thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đ Q và bà Lê thị Ng phải chịu 114.568.800 đồng (Một trăm mười bốn triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm đồng).

Trả lại công ty TNHH VAMC số tiền tạm ứng án phí là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng) theo biên lai số 0001822 ngày 24/5/2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Th.O, Thành phố H.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Nguyễn Đ Q và vợ là Lê thị Ng vắng mặt có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, tại UBND xã Ph T và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th.O, Thành phố H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đ Ph và vợ là bà Lê thị B L vắng mặt, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cư trú và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Nơi nhận:

- *Toà án ND Thành phố H;*
- *Viện kiểm sát ND huyện Th.O;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Vũ Phương